TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 180/2026/QĐST-DS	*Huế, ngày 16 tháng 9 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành được lập ngày 08 tháng 9 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 132/2026/TLST-DS ngày 29 tháng 7 năm 2026.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện, nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty cổ phần P (VETRA). Địa chỉ: Tầng C, tòa nhà C, số H đường T, phường H, thành phố H1.

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần A1 (A2); địa chỉ: Tầng A, 2, 3 Tòa nhà G, số C đường H, phường Ô, thành phố Hà Nội; đại diện theo pháp luật: Ông Lê Mạnh H, chức vụ: Tổng giám đốc; đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hoài N, chức vụ: Phó giám đốc Khối kiêm Giám đốc cao cấp xử lý nợ; đại diện theo ủy quyền lại: Ông Hoàng A; địa chỉ: Số B đường H, phường T, thành phố H (theo Giấy ủy quyền số 881/UQ-TGĐ.26 ngày 04/6/2026)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1969; Căn cước công dân số: 046069002094, cấp ngày: 29/4/2021; nơi thường trú: A ấp T, xã B, thành phố H2; nơi tạm trú: Tổ dân phố C phường H, thành phố H; nơi ở hiện nay: Số B đường S, phường H, thành phố H;

- Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1967; Căn cước số: 046167009863, cấp ngày: 29/01/2026; địa chỉ: Số A đường S, phường P, thành phố H.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về nghĩa vụ trả nợ: Ông Nguyễn Đức T có nghĩa vụ trả nợ cho Công ty cổ phần P (V) số tiền nợ theo các hợp đồng số 4156/23/TD/CN/037 ngày 19/7/2023, Hợp đồng cho vay từng lần số 5100/23/TD/CN/037 ngày 02/8/2023, giấy nhận nợ số 5100.01/23/TD/CN/037, giấy nhận nợ số 5100.03/23/TD/CN/037, giấy nhận nợ số 5100.02/23/TD/CN/037, giấy nhận nợ số 4156.02/23/TD/CN/037 và Hợp đồng thế chấp số 3534.1/22/TC/CN/037 ngày 24/9/2022 tính đến ngày 08/9/2026 là 5.111.566.289 đồng (trong đó theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 4156/23/TD/CN/037 ngày 19/7/2023 là 4.619.030.668 đồng; trong đó: Số tiền nợ gốc là 3.000.000.000 đồng, tiền nợ lãi trong hạn là 551.474.236 đồng, tiền lãi quá hạn là 258.041.098 đồng và Hợp đồng cho vay từng lần số 5100/23/TD/CN/037 ngày 02/8/2023 là 1.604.101.910 đồng, trong đó số tiền gốc là 1.000.000.000 đồng, số tiền lãi trong hạn là 261.482.611 đồng, số tiền lãi quá hạn là 40.568.344 đồng).

2.2. Về phương thức trả nợ: Ông Nguyễn Đức T có nghĩa vụ trả số tiền trên cho Công ty cổ phần P (V) 01 lần vào ngày 08/11/2026.

Kể từ ngày 09/9/2026 cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Đức T còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng.

2.3. Về xử lý tài sản thế chấp: Trường hợp ông Nguyễn Đức T vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm thế chấp đối với thửa đất số 75, tờ bản đồ số 24 tọa lạc tại thôn L, xã L, huyện P, tỉnh T (nay là thôn L, xã L, thành phố H) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do Ủy ban nhân dân huyện P cấp ngày 14/9/2018 theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 3534.1/22/TC/CN/037 ngày 24/9/2022.

2.4. Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Đức T thuận chịu 3.000.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ; Ngân hàng Thương mại Cổ phần A1 (A2) đã nộp đủ nên ông Nguyễn Đức T có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A1 (A2) số tiền 3.000.000 đồng.

2.5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Đức T thuận chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 56.555.783đồng.

Trả lại cho Công ty cổ phần P (V) số tiền tạm ứng án phí đã nôp là 56.496.161 đồng theo Biên lai số 0000336 ngày 28 tháng 7 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện và thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 34, 36, 72

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP Huế;
- VKSND khu vực 4 - Huế;
- Phòng THADS khu vực 4 - Huế;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án;

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Trần Thị Phương Thảo